

Bản án số: 71/2024/DS-PT

Ngày: 27-3-2024

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản,  
yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận  
phân chia di sản thừa kế vô hiệu và  
hủy quyết định cá biệt*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Lê Tự  
*Các Thẩm phán:* ông Trương Minh Tuấn  
ông Đinh Phước Hoà

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Đinh Thị Thanh Yên, Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên  
tòa:*** ông Đoàn Ngọc Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 338/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế vô hiệu và hủy quyết định cá biệt*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** bà Lê Thị N, sinh năm 1952.

Địa chỉ: số H, đường số A, tổ C, thôn L, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* ông Phạm Xuân T, sinh năm 1990; địa chỉ: số H đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

***- Bị đơn:*** bà Trương Thị Thu H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: số H, đường số A, tổ C, thôn Đ, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: số B đường H, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn Thanh V, chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam và ông Từ Văn Á; địa chỉ: thôn N, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

2. Văn phòng C.

Địa chỉ: số C đường M, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo pháp luật:* ông Nguyễn Phước D, chức vụ: Trưởng Văn phòng C.

3. Bà Lê Thị M, sinh năm 1962.

Địa chỉ: số G, đường số A, tổ C, thôn Đ, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

4. Bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1964.

Địa chỉ: số D, đường số G, tổ B, thôn L, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị M và bà Lê Thị Ngọc A:* ông Phạm Xuân T, sinh năm 1990; địa chỉ: số H đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

5. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1944.

6. Ông Lê Ngọc K, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: số B, đường số A, tổ C, thôn L, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

7. Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1958.

8. Bà Lê Thị Ngọc H1, sinh năm 1976.

9. Bà Lê Thị Ngọc T2, sinh năm 1979.

10. Bà Lê Thị Ngọc T3, sinh năm 1981.

11. Bà Lê Thị Ngọc H2, sinh năm 1983.

12. Bà Lê Thị Ngọc T4, sinh năm 1987.

13. Bà Lê Thị Ngọc H3, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: số G, đường số A, tổ C, thôn Đ, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà Nguyễn Thị T1, Huỳnh Thị P, Lê Ngọc K, Lê Thị Ngọc H1, Lê Thị Ngọc T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thị Ngọc T4, Lê Thị Ngọc H3:* bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1964; địa chỉ: số D, đường số G, tổ B, thôn L, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

14. Ông Lê Ngọc V1, sinh năm 1990.

15. Bà Lê Thị Thảo S, sinh năm 1994.

16. Ông Lê Ngọc T5, sinh năm 2001.

Cùng địa chỉ: số H, đường số A, tổ C, thôn Đ, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

- **Người kháng cáo:** người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc V1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Cha, mẹ bà N là ông Lê Ngọc T6 (*chết năm 1968*) và bà Nguyễn Thị T7 (*chết ngày 18/10/1991*), có 10 người con, gồm: ông Lê Ngọc Đ (*chết năm 1965*), ông Lê Ngọc T8 (*chết năm 1948, chưa có vợ, con*), ông Lê Ngọc M1 (*chết năm 1946, chưa có vợ, con*), ông Lê Ngọc V2 (*chết năm 2019*), bà Lê Thị N, ông Lê Ngọc L (*chết năm 1963, chưa có vợ, con*), ông Lê Ngọc Q (*chết năm 1978, chưa có vợ, con*), bà Lê Thị M, bà Lê Thị Ngọc A và ông Lê Ngọc T9 (*chết năm 2002*); ngoài ra, cha, mẹ bà N khi còn sống không có con nuôi, con riêng nào khác.

- Ông Lê Ngọc Đ (*chết năm 1965*) có vợ là bà Nguyễn Thị T1 và con là ông Lê Ngọc K.

- Ông Lê Ngọc V2 (*chết năm 2019*) có vợ là bà Huỳnh Thị P và có 06 người con, gồm: bà Lê Thị Ngọc H1, bà Lê Thị Ngọc T2, bà Lê Thị Ngọc T3, bà Lê Thị Ngọc H2, bà Lê Thị Ngọc T4 và bà Lê Thị Ngọc H3.

- Ông Lê Ngọc T9 (*chết năm 2002*) có vợ là bà Trương Thị Thu H và 03 người con, gồm: ông Lê Ngọc V1, bà Lê Thị Thảo S và ông Lê Ngọc T5.

Khi còn sống, mẹ bà N có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với thửa đất số 514, tờ bản đồ số 02, diện tích 799m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất: thôn Đ, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (*theo hồ sơ đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg*). Ngày 18/10/1991, mẹ bà N là bà Nguyễn Thị T7 chết, không để lại di chúc; tài sản là quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với thửa đất nêu trên chưa được chia theo pháp luật.

Tuy nhiên, đến nay bà N mới biết, sau khi mẹ bà N chết thì ông Lê Ngọc T9 đã tự ý đăng ký đối với thửa đất nêu trên theo Nghị định 64-CP của Chính phủ (*tại thửa đất số 600b, tờ bản đồ số 19*) và đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 709726 ngày 10/7/2000. Việc ông Lê Ngọc T9 tự ý đăng ký, kê khai theo Nghị định 64-CP và được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất do mẹ bà N để lại là không đúng với quy định của pháp luật. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết các nội dung sau:

- Tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 00756, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/02/2020 vô hiệu;

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 709726 do Ủy ban nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp cho hộ ông Lê Ngọc T9 ngày 10/7/2000 đối với thửa đất số 600b, tờ bản đồ số 19.

- Chia di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị T7 để lại là quyền sử dụng đất và nhà ở, giếng nước xây gắn liền với thửa đất số 600b, tờ bản đồ số 19 (theo hồ sơ Chỉ thị 299/TTg là thửa đất số 514, tờ bản đồ số 02), theo kết quả đo đạc khi xem xét, thẩm định tại chỗ diện tích đất thực tế là 766,6m<sup>2</sup>, tại thôn Đ, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị N có nguyện vọng được nhận diện tích đất 535m<sup>2</sup>, trên đất có ngôi nhà và 01 cái giếng xây của bà T7 và giao cho bị đơn nhận diện tích đất còn lại là 231,6m<sup>2</sup> (cạnh phía trước dài 10m, cạnh phía sau dài 10m).

Nguyên đơn thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 31/3/2022 và ngày 06/7/2023 của Tòa án, không yêu cầu định giá quyền sử dụng đất theo giá thị trường.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Trương Thị Thu H trình bày:

Về nguồn gốc quyền sử dụng diện tích đất đang tranh chấp tại thửa đất số 600b, tờ bản đồ số 19, diện tích 800m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam là của vợ chồng bà H tự khai phá, sử dụng ổn định và được UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 709726 ngày 10/7/2000, đứng tên ông Lê Ngọc T9 (là chồng của bà H). Quá trình sử dụng đất, gia đình bà H đã thực hiện nghĩa vụ thuế hằng năm đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Sau khi chồng bà H chết (năm 2002), gia đình bà H vẫn tiếp tục sử dụng thửa đất nêu trên. Đồng thời, theo sự thỏa thuận của gia đình bà H, ngày 28/02/2020, bà H cùng với các con, gồm: ông Lê Ngọc V1, bà Lê Thị Thảo S, ông Lê Ngọc T5 lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của chồng bà H để lại. Nội dung thỏa thuận: bà H được toàn quyền sử dụng nhà, đất là phần di sản mà chồng bà H để lại. Văn bản thỏa thuận được Văn phòng C, tỉnh Quảng Nam công chứng. Việc bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 709726 do UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Nam cấp cho hộ ông Lê Ngọc T9 ngày 10/7/2000; tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được công chứng tại Văn phòng C, tỉnh Quảng Nam, số công chứng: 00756, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/02/2020 vô hiệu và yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 600b, tờ bản đồ số 19 là hoàn toàn không có căn cứ. Do đó, bà H không chấp nhận đối với toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H thống nhất giao cho nguyên đơn 01 lô đất với chiều rộng mặt tiền là 05m, phần còn lại của thửa đất nêu trên thuộc về gia đình bà H. Đối với ngôi nhà và 01 cái giếng mà nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, bà H thừa nhận là của cụ T7 để lại, nhưng vợ chồng bà H có sửa chữa ngôi nhà và làm lại cái giếng xây, vì cái giếng của cụ T7 trước đây là giếng đất.

Bị đơn thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 31/3/2022 và ngày 06/7/2023 của Tòa án, không yêu cầu định giá quyền sử dụng đất theo giá thị trường.

*Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Ngọc V1, bà Lê Thị Thảo S thống nhất theo lời trình bày của bị đơn bà Trương Thị Thu H và thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 31/3/2022 và ngày 06/7/2023 của Tòa án, không yêu cầu định giá quyền sử dụng đất theo giá thị trường.*

*Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị M và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà M thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N, thống nhất người để lại di sản, về hàng thừa kế, người thừa kế như lời trình bày của bà N. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà M thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 31/3/2022 và ngày 06/7/2023 của Tòa án, không yêu cầu định giá quyền sử dụng đất theo giá thị trường.

*Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Ngọc A và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà A thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N, thống nhất người để lại di sản, về hàng thừa kế, người thừa kế như lời trình bày của bà N. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà A thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 31/3/2022 và ngày 06/7/2023 của Tòa án, không yêu cầu định giá quyền sử dụng đất theo giá thị trường.

*Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thị xã Đ và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Thực hiện Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất, tại sổ Đăng ký ruộng đất được lập theo Chỉ thị nêu trên tại xã Đ, bà Nguyễn Thị T7 đăng ký tại thửa đất số 514, tờ bản đồ 02, diện tích 799m<sup>2</sup>, loại ruộng đất: T và thửa đất số 524, tờ bản đồ số 02, diện tích 365m<sup>2</sup>, loại đất 2L (lúa).

Thực hiện Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ban hành quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Ngày 06/7/1998, hộ ông Lê Ngọc T9 có đơn đăng ký quyền sử dụng đất gồm 06 thửa đất với tổng diện tích là 3.464m<sup>2</sup>, trong đó có thửa đất số 600b, tờ bản đồ số 19, diện tích 800m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư (T) và 05 thửa đất nông nghiệp và được UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 709726 ngày 10/7/2000 cho hộ ông Lê Ngọc T9. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Ngọc T9 là đúng quy định của pháp luật. Do đó, việc yêu cầu huỷ Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất nêu trên của nguyên đơn bà Lê Thị N là không có cơ sở chấp nhận.

*Tại văn bản có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng C trình bày:*

Ngày 28/02/2020, Văn phòng C có chứng nhận Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, số công chứng: 00756, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD. Theo đó, bà Trương Thị Thu H, ông Lê Ngọc V1, bà Lê Thị Thảo S và ông Lê Ngọc T5 có yêu cầu Văn phòng C công chứng về việc phân chia di sản thừa kế của ông Lê Ngọc T9 (*sinh năm 1966, chết năm 2002*). Di sản mà ông Lê Ngọc T9 để lại là: phần quyền sở hữu nhà ở gắn liền với phần quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 600b, tờ bản đồ số 19, diện tích 800m<sup>2</sup> tọa lạc tại: thôn Đ, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 709726 do UBND huyện Đ (*nay là thị xã Đ*) cấp ngày 10/7/2000. Trong hồ sơ người yêu cầu công chứng cung cấp thì tài sản quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 600b, tờ bản đồ số 19, diện tích 800m<sup>2</sup> cấp cho hộ ông Lê Ngọc T9. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của hộ ông Lê Ngọc T9. Trong quá trình thực hiện công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Lê Ngọc T9, Văn phòng C đã tiến hành niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã Đ từ ngày 24/02/2019 đến ngày 07/02/2020 và Văn phòng C không nhận bất kỳ thông tin hay khiếu nại, tố cáo gì về việc bỏ sót, giấu giếm người được hưởng di sản thừa kế, bỏ sót di sản thừa kế, di sản thừa kế không thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người để lại di sản thừa kế đối với di sản thừa kế của ông Lê Ngọc T9 để lại như đã nêu trên. Từ cơ sở trên, việc Văn phòng C chứng nhận Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, số công chứng: 00756, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/02/2020 là hoàn toàn đúng theo quy định pháp luật.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:**

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 39, 92, 147, 157, 165, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 3, 4, 5, 24, 25, 26 và 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990; các Điều 122, 123, 611, 612, 613, 623, 650, 651, 652, 660 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 12, 14, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N đối với bị đơn bà Trương Thị Thu H về việc tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế vô hiệu.

Xác định quyền sử dụng diện tích đất 766,6m<sup>2</sup> và các tài sản gắn liền với đất, gồm: 01 ngôi nhà (*kết cấu: nhà trệt, tường xây, nền xi măng, mái lợp tôn; diện tích: 47,45m<sup>2</sup>*) và 01 cái giếng nước xây (*đường kính trên 80cm đến 100cm*), thuộc thửa đất số 600b, tờ bản đồ số 19 tại thôn Đ, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam là di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị T7 để lại.

Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T7 là: quyền sử dụng diện tích đất 766,6m<sup>2</sup> và các tài sản gắn liền với đất, gồm: 01 ngôi nhà (*kết cấu: nhà trệt, tường xây, nền ximăng, mái lợp tôn; diện tích: 47,45m<sup>2</sup>*) và 01 cái giếng nước xây (*đường kính trên 80cm đến 100cm*), thuộc thửa đất số 600b, tờ bản đồ số 19 tại thôn Đ, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Giao cho bà Lê Thị N được nhận quyền sử dụng diện tích đất 535m<sup>2</sup> và sở hữu các tài sản gắn liền với đất, gồm: 01 ngôi nhà (*kết cấu: nhà trệt, tường xây, nền ximăng, mái lợp tôn; diện tích: 47,45m<sup>2</sup>*), 01 cái giếng nước xây (*đường kính trên 80cm đến 100cm*), 11 cây ổi (*đã có quả*), 01 cây thầu đầu (*đường kính từ 05cm đến 15cm*), 01 cây mận (*đã có quả*), 01 cái giếng đóng (*không gắn máy bơm*), thuộc thửa đất số 600b, tờ bản đồ số 19 tại thôn Đ, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Giao cho bà Trương Thị Thu H được nhận quyền sử dụng diện tích đất 231,6m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 600b, tờ bản đồ số 19 tại thôn Đ, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (*trên diện tích đất 231,6m<sup>2</sup> có các tài sản chung của vợ chồng bà Trương Thị Thu H và ông Lê Ngọc T9, gồm: 25 cây ổi (đã có quả); 07 cây thầu đầu (đường kính từ 05cm đến 15cm), 01 cây thầu đầu (đường kính trên 15cm), tiếp tục giao cho bà Trương Thị Thu H quản lý các tài sản chung này, nếu bà Trương Thị Thu H và những người thừa kế của ông Lê Ngọc T9 có tranh chấp và yêu cầu chia tài sản chung, chia thừa kế thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác*).

(*Có Mảnh trích đo địa chính kèm theo; phần diện tích đất giao cho bà Lê Thị N tương ứng với vị trí (1), phần diện tích đất giao cho bà Trương Thị Thu H tương ứng với vị trí (2), (3)*).

Buộc bà Lê Thị N có nghĩa vụ: thanh toán cho bà Lê Thị M, bà Lê Thị Ngọc A, ông Lê Ngọc K giá trị phần di sản thừa kế được hưởng, mỗi người số tiền 103.630.000 (*Một trăm lẻ ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn*) đồng; thanh toán cho bà Huỳnh Thị P, bà Lê Thị Ngọc H1, bà Lê Thị Ngọc T2, bà Lê Thị Ngọc T3, bà Lê Thị Ngọc H2, bà Lê Thị Ngọc T4 và bà Lê Thị Ngọc H3 giá trị phần di sản thừa kế được hưởng, mỗi người số tiền 14.804.000 (*Mười bốn triệu tám trăm lẻ bốn nghìn*) đồng; thanh toán cho ông Lê Ngọc V1 giá trị phần di sản thừa kế được hưởng số tiền 25.907.000 (*Hai mươi lăm triệu chín trăm lẻ bảy nghìn*) đồng; thanh toán cho bà Lê Thị T4 Sương giá trị phần di sản thừa kế được hưởng số tiền 19.172.000 (*Mười chín triệu một trăm bảy mươi hai nghìn*) đồng.

Buộc bà Lê Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Thị Thu H và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Ngọc T9 (*gồm: bà Trương Thị Thu H, ông Lê Ngọc V1, bà Lê Thị Thảo S và ông Lê Ngọc T5*) giá trị các tài sản chung của vợ chồng bà Trương Thị Thu H và ông Lê Ngọc T9 đã giao cho bà Lê Thị N sở hữu, với số tiền 7.380.000 (*Bảy triệu ba trăm tám mươi nghìn*) đồng, tạm giao cho bà Trương Thị Thu H quản lý số tiền này, nếu bà Trương Thị Thu H và những người thừa kế của ông Lê Ngọc T9 có tranh chấp

và yêu cầu chia tài sản chung, chia thừa kế thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Buộc bà Trương Thị Thu H có nghĩa vụ: thanh toán cho bà Lê Thị T4 Sương giá trị phần di sản thừa kế được hưởng số tiền 6.735.000 (*Sáu triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn*) đồng; thanh toán cho ông Lê Ngọc T5 giá trị phần di sản thừa kế được hưởng số tiền 25.907.000 (*Hai mươi lăm triệu chín trăm lẻ bảy nghìn*) đồng; thanh toán số tiền công sức quản lý, tôn tạo di sản của vợ chồng bà Trương Thị Thu H và ông Lê Ngọc T9 là 155.445.000 (*Một trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng, nhưng tạm giao số tiền 155.445.000 đồng này cho bà Trương Thị Thu H quản lý, nếu bà Trương Thị Thu H và những người thừa kế của ông Lê Ngọc T9 có tranh chấp và yêu cầu chia tài sản chung, chia thừa kế thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế giữa bà Trương Thị Thu H, ông Lê Ngọc V1, bà Lê Thị Thảo S và ông Lê Ngọc T5 được Văn phòng C chứng nhận ngày 28/02/2020 (*số công chứng: 00756, quyển số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD*) vô hiệu.

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ (*nay là thị xã Đ*) cấp cho hộ ông Lê Ngọc T9 đối với thửa đất số 600b, tờ bản đồ số 19, diện tích 800m<sup>2</sup> tại thôn Đ, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **Kháng cáo**

Ngày 22/9/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông *Lê Ngọc V1* nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người kháng cáo ông *Lê Ngọc V1* giữ nguyên kháng cáo và trình bày: ngày 10/7/2000, cha của ông là ông *Lê Ngọc T9* được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 709726 tại thửa đất số 600b, tờ bản đồ số 19, diện tích 800m<sup>2</sup>. Do đó, thửa đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông *Lê Ngọc T9*. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất trên là di sản của bà *T7* để lại và chia thừa kế là không đúng; đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*

Thửa đất tranh chấp có nguồn gốc do cụ Thục và cụ Túc tạo lập. Cụ *T7* là người kê khai, đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi cụ *T7* chết, ông *Lê Ngọc T9* kê khai, đăng ký theo Nghị định 64-CP và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/7/2000

là không đúng. Do đó, thửa đất tranh chấp 766,6m<sup>2</sup> là di sản của cụ T7 để lại và Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế là có căn cứ, vì vậy kháng cáo của ông Lê Ngọc V1 không có cơ sở chấp nhận, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về xác định di sản thừa kế:

Diện tích đất tranh chấp 766,6m<sup>2</sup> có nguồn gốc do cụ Nguyễn Thị T7 kê khai, đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ tại thửa đất số 514, tờ bản đồ số 02, diện tích 799m<sup>2</sup>, loại đất: T10 Sau khi cụ T7 chết năm 1991, ông Lê Ngọc T9 kê khai, đăng ký theo Nghị định 64-CP của Chính phủ tại thửa đất số 600b, tờ bản đồ số 19, diện tích 800m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: đất ở + vườn. Ngày 10/7/2000, hộ ông Lê Ngọc T9 được Ủy ban nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 709726 tại thửa đất trên. Mặc dù hộ ông Lê Ngọc T9 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có tài liệu chứng cứ thể hiện cụ T7 khi còn sống đã tặng cho ông T9 thửa đất trên.

[2] Ngoài ra, tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31/3/2022, các đương sự có mặt đã thừa nhận ngôi nhà có trên diện tích đất tranh chấp và 01 cái giếng xây thuộc sở hữu của cụ Nguyễn Thị T7; còn lại cây cối và 01 cái giếng đóng thuộc sở hữu của vợ chồng bà Trương Thị Thu H. Quá trình tham gia tố tụng, bà Trương Thị Thu H, ông Lê Ngọc V1, bà Lê Thị Thảo S thừa nhận ngôi nhà và 01 cái giếng nước mà nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là của cụ T7 để lại.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp 766,6m<sup>2</sup> có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Thị T7 và tài sản trên đất gồm ngôi nhà và 01 cái giếng nước xây là tài sản của cụ T7 để lại là có căn cứ. Như vậy, di sản thừa kế của cụ T7 để lại gồm: quyền sử dụng diện tích đất 766,6m<sup>2</sup> và các tài sản gắn liền với đất: 01 ngôi nhà xây (diện tích 47,45m<sup>2</sup>) và 01 cái giếng nước xây, thuộc thửa đất số 600b, tờ bản đồ số 19 tại thôn Đ, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế giữa bà Trương Thị Thu H, ông Lê Ngọc V1, bà Lê Thị Thảo S và ông Lê Ngọc T5 và tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Ngọc T9 đối với thửa đất số 600b, tờ bản đồ số 19, diện tích 800m<sup>2</sup> tại thôn Đ, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Do đó, kháng cáo của ông Lê Ngọc V1 cho rằng thửa đất diện tích 766,6m<sup>2</sup> đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/7/2000 cho cha ông là Lê Ngọc T9 nên không phải là di sản của cụ T7 để lại là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm về xác định người thừa kế, phân chia di sản thừa kế, nghĩa vụ bồi trả không có kháng cáo nên không xét, giữ nguyên.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Ngọc V1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Ngọc V1;
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Ngọc V1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, đã nộp tại biên lai số 0000562 ngày 02/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Tự**